TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **94/**2017/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 16 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Ξ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 390/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 giữa những người yêu cầu:

1. Ông **Lê Quang Đ** – sinh năm 1969

2. Bà **Bùi Thị T** – sinh năm 1977

Cùng trú tại: Tổ 03, phường N, quận L, TP Đà Nẵng

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Quang Đ – sinh năm 1969 và bà Bùi Thị T – sinh năm 1977; cùng trú tại: Tổ 03, phường N, quận L, TP Đà Nẵng

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Quang Đ và bà Bùi Thị T thuận tình ly hôn.
- *Về quan hệ con chung:*

Ông Lê Quang Đ và bà Bùi Thị T cùng xác nhận có 02 con chung là Lê Bùi Hà G – sinh ngày 14.11.2000 và Lê Bùi Hà N – sinh ngày 26.7.2005. Hai bên đương sự thống nhất thoản thuận như sau:

Bà Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung Lê Bùi Hà G – sinh ngày 14.11.2000 và Lê Bùi Hà N – sinh ngày 26.7.2005. Ông Lê Quang Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/01 tháng (2.000.000 đồng/01 con/01 tháng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 11.2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- *Về tài sản chung:* Ông Lê Quang Đ và bà Bùi Thị T tự thỏa thuận phân chia.

- *Nợ chung:* Ông Lê Quang Đ và bà Bùi Thị T khai nhận không có.

- *Về lệ phí:* Lệ phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng y) ông Lê Quang Đ và bà Bùi Thị T phải nộp và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000600 ngày 13.10.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Ông Lê Quang Đ và bà Bùi Thị T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận L;
- Chi cục THADS quận L;
- UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh H;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU
Thẩm phán

Trần Hữu Vinh